

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

DỰ TOÁN CHI XDCB NGÂN SÁCH CẤP TỈNH NĂM 2008

(Kèm theo Quyết định số 811/QĐ-UBND ngày 24/3/2008

của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang)

ĐV: Tr đồng

STT	Tên công trình	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt	Giá trị KLTH từ KC	Đã thanh toán từ KC	Vốn đầu tư năm 2008
	<u>TỔNG SỐ</u>				<u>1,602,268</u>	<u>445,679</u>	<u>463,390</u>	<u>1,194,510</u>
A	<u>VỐN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG,</u>							
	<u>VAY 30% THEO LUẬT NS & THU XỔ SỐ</u>							
	<u>KIẾN THIẾT</u>							<u>1,082,850</u>
I	Giao thông							157,840
I.1	Theo Nghị quyết 115/2006/NQ-HĐND							75,600
1	Đường tỉnh 864 (đoạn từ cầu Bình Đức - ĐT 870)	Sở GT	CT	2006-2008	27,059	15,000	15,000	5,000
2	Đường tỉnh 866 (cầu Phú Mỹ - ranh tỉnh Long An)	Sở GT	TP	2007-2009	12,086	6,000	6,000	5,000
3	Đường huyện 18	Sở GT	CT	2006-2008	33,877	8,000	8,000	6,000
4	Đường tỉnh 879 B	Sở GT	MT,CG	2007-2008	40,251	12,100	12,100	7,000
5	Nâng cấp và mở rộng đường tỉnh 877 (Km0-Km8+673)	Sở GT	GCT	2005-2008	8,200	1,400	1,400	5,000
6	Nâng cấp và mở rộng ĐT 877 (cầu Long Bình - An Thạnh Thủy)	Sở GT	CG, CGT	2006-2008	37,621	10,000	10,000	7,000
7	Đường liên 6 xã (đoạn ĐT 876 - ĐT 874B)	Sở GT	CT	2006-2008	27,702	10,500	10,500	5,000
8	Đường huyện Long Hưng (xử lý sạt lở)	Sở GT	CT	2008				1,500
9	Sửa chữa các công trình giao thông	Sở GT,H	Các huyện	2007-2008				12,000
10	Khôi phục các cầu sau lũ	Các huyện	Các huyện	2007-2008	10,000			6,000
11	Đường huyện 23A	H.CB	CB	2006-2008		9,382	12,826	3,000
12	Nâng cấp mở rộng đường Phú Nhuận - Mỹ Thành Bắc	Sở GT	CL	2006-2008	15,829	9,000	9,000	6,800
13	Cầu Phú An trên đường huyện Phú An	Sở GT	CL	2007-2008	11,311	5,000	5,000	6,300

STT	Tên công trình	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt	Giá trị KLTH từ KC	Đã thanh toán từ KC	Vốn đầu tư năm 2008
I.2	Theo Nghị quyết 129/2007/NQ-HĐND							82,240
1	Đường tỉnh 867 (đoạn từ TT Mỹ Phước - Bắc Đông)	Sở GT	TP	2007-2008	16,859	654	3,214	7,000
2	Đường phục vụ xây dựng khu công nghiệp tàu thủy Soài Rạp	Sở GT	GCD	2008-2009	17,500	37	37	3,000
3	Đường tỉnh 878 (cầu Bến Tranh - QL 1A)	Sở GT	CT	2008	4,999			4,900
4	Đường Nguyễn Trọng Dân nối dài	TXGC	TXGC	2007-2008	16,510	68	5,710	8,500
5	Đường Ô 2 - Khu 2 - thị trấn Chợ Gạo	H.CG	CG	2007-2008	3,387	61	373	2,080
6	Đường lộ Giồng Tre - QL 1 - Bến Hiệp Đức	H.CL	CL	2007-2008	18,600	595	1,291	7,500
7	Cầu ngang Kênh 7	H.CB	CB	2007-2008	391	102	102	900
8	Đường huyện 03	H.GCD	GCD, TX	2007-2008	10,000	899	1,948	5,500
9	Đường huyện 17 (ĐH 10 cũ)	H.GCT	GCT	2007-2008	5,685	1,095	1,657	1,890
10	Cầu Lý Quàn (km 25 + 069) trên ĐT 877B	Sở GT	GCD	2007-2008	3,500	219	219	2,000
11	Cầu Bà Thê (trên ĐH 06)	Sở GT	GCD	2007-2008	2,050	29	29	1,350
12	Cầu Mương Lộ (xã Mỹ Long)	H.CL	CL	2007-2008		198	182	460
13	Cầu Cây Kè (Mỹ Thành Nam)	H.CL	CL	2007-2008	1,227	44	225	1,080
14	Cầu Bà Từ (tại km 27 + 940 trên ĐT 877B)	Sở GT	GCD	2007-2008	2,300	73	500	1,800
15	Cầu Cá Thu (tại km 22 + 505 trên ĐT 877B)	Sở GT	GCD	2007-2008	1,500	59	500	1,000
16	Đường Tứ Kiệt (ĐT 868 - Kênh Ông Mười)	H.CL	CL	2008-2009	12,000			7,000
17	Đường tỉnh 861 (đoạn km0 - km 4+775)	Sở GT	CB	2008-2009	70,000	154	154	7,000
18	Đường lộ Xe Be (TT Vĩnh Bình)	H.GCT	GCT	2007-2008	4,500	581	797	1,960
19	Đường huyện 16 A	H.GCT	GCT	2007-2008	6,500	1,461	2,000	2,250
20	Đường liên ấp Tân Đông - Tân Bình xã Tân Thạnh	H.GCT	GCT	2007-2008	3,200		1,200	2,200
21	Đường tỉnh 873	Sở GT	TX, GCT	2007-2008	4,100	79	994	3,000
22	Đường liên xã Tân Hòa Tây - Thạnh Tân - Thạnh Hòa huyện Tân Phước	H.TP	TP	2007-2008		729	729	870
23	Đường vào khu di tích Ba Rài	H.CL	CL	2007-2008		2,740	2,790	1,000
24	Nâng cấp lộ nội thị trấn Cái Bè	H.CB	CB	2007-2008		1,572	1,572	3,000
25	Đường Tân Hiệp - Tân Đức	H.CT	CT	2008	7,500			5,000
II	Công nghiệp (Theo NQ 115/2006/NQ-HĐND)							15,000

STT	Tên công trình	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt	Giá trị KLTH từ KC	Đã thanh toán từ KC	Vốn đầu tư năm 2008
1	Cải tạo và phát triển lưới điện	Các huyện	Các huyện	2007-2008	14,000			12,000
2	Xây dựng hạ tầng các làng nghề	Các huyện	Các huyện	2007-2008				3,000
III	Nông nghiệp - Thủy lợi							14,650
III.1	Theo Nghị quyết 115/2006/NQ-HĐND							4,190
1	Dự án di dân phát triển vùng kinh tế mới Đông kênh Lộ Mới	CC.HTX	TP	2006-2008	24,820	2,829	2,829	2,000
2	Dự án nhóm 3 xã Phước Lập, Tân Lập II và Hưng Thạnh	H.TP	TP	2006-2008	28,297	4,742	4,742	2,190
III.2	Theo Nghị quyết 129/2007/NQ-HĐND							10,460
1	Cống Bà Xòm	Sở NN	CG	2007-2008	3,573			2,530
2	Cống Rạch Gốc	Sở NN	GCT	2007-2008	3,500	137	137	3,000
3	Thay mới cửa cống Rạch Đung	Sở NN	GCD	2007-2008	800	631	631	240
4	Nạo vét kênh Champeaux (đoạn từ cầu Tân Thành - cống Vàm Kênh)	Sở NN	GCD	2007-2008	702	87	41	410
5	Nạo vét kênh Rạch Lá	Sở NN	TX, GCD	2007-2008	1,147	98	43	280
6	Xây dựng các cống thủy lợi	Các huyện	Các huyện	2007-2008	5,000			4,000
IV	Thương mại - du lịch							7,350
IV.1	Theo Nghị quyết 115/2006/NQ-HĐND							6,000
1	Bến tàu thủy du lịch thành phố Mỹ Tho	Sở TM	MT	2007-2008	21,600	15,408	15,408	5,000
2	Bến trái cây Vĩnh Kim	H.CT	CT	2004-2008				1,000
IV.2	Theo Nghị quyết 129/2007/NQ-HĐND							1,350

STT	Tên công trình	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt	Giá trị KLTH từ KC	Đã thanh toán từ KC	Vốn đầu tư năm 2008
1	Chợ Ngã Năm	H.CL	CL	2007-2008	2,000	58	1,192	1,350
V	Bảo vệ môi trường							10,500
V.1	Theo Nghị quyết 115/2006/NQ-HĐND							
1	Dự án cải thiện môi trường thành phố Mỹ Tho	Sở TM	MT	2007-2008	37,424	26,512	26,512	5,000
2	Hệ thống thoát nước khu vực rạch Ông Hiệu	H.CL	CL					5,500
VI	Y tế xã hội							50,480
VI.1	Theo Nghị quyết 115/2006/NQ-HĐND							43,870
1	Khoa khám lưu bệnh BVĐK Gò Công Đông	Sở YT	GCD	2007-2008	2,762	2,000	2,000	1,400
2	Phòng khám ĐKKV Hậu Mỹ Bắc A	Sở YT	CB	2008-2010				1,000
3	Bệnh viện Đa khoa trung tâm tỉnh	Sở YT	MT	2004-2008	18,944	8,885	5,300	8,000
4	Nhà đa năng + lắp mương đặt cống thoát nước BV tâm thần	Sở YT	CT	2007-2008	1,590	1,000	1,000	790
5	Bệnh viện Y học cổ truyền	Sở YT	MT	2004-2008	8,670	1,500	1,500	4,500
6	Bệnh viện huyện Cai Lậy	Sở YT	CL	2007-2009	15,479	7,660	7,660	2,780
7	Bệnh viện huyện Tân Phước	Sở YT	TP	2007-2009	1,859	550	550	350
8	Phòng khám đa khoa khu vực An Thái Trung	Sở YT	CB	2007-2008	4,215	1,500	1,500	2,660
9	Phòng khám đa khoa khu vực Long Trung	Sở YT	CL	2007-2008	2,184	600	600	3,690
10	Phòng khám khu vực Long Bình	Sở YT	GCT	2007-2008	3,971	1,800	1,800	3,200
11	Trạm y tế các xã	Các huyện	Các huyện	2007-2010	4,836	4,551	4,353	8,000
12	Đối ứng Dự án y tế nông thôn & CSSKSS	Sở YT	Các H	2002-2008		62,709	58,822	7,500
VI.2	Theo Nghị quyết 129/2007/NQ-HĐND							6,610
1	Cải tạo nâng cấp nghĩa trang liệt sĩ huyện Gò Công Đông (giai đoạn 2)	H.GCD	GCD	2007-2008	2,000	424	424	1,500
2	Xây dựng Trung tâm bảo trợ xã hội tỉnh giai đoạn 2	Sở LĐ	MT	2007-2008	8,864	122	1,337	5,110

STT	Tên công trình	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt	Giá trị KLTH từ KC	Đã thanh toán từ KC	Vốn đầu tư năm 2008
VII	Thế dục thể thao							21,900
VII.1	Theo Nghị quyết 115/2006/NQ-HĐND							1,900
1	Cải tạo nâng cấp mặt cỏ sân vận động tỉnh	Sở TDTT	MT	2007-2008	1,900	66	445	1,900
VII.2	Theo Nghị quyết về thế dục thể thao							20,000
1	Cơ sở thế dục thể thao xã phường thị trấn	Các huyện	Các huyện	2008-2010				20,000
VIII	Giáo dục - Đào tạo							177,440
VIII.1	Theo Nghị quyết 115/2006/NQ-HĐND							76,080
1	Trường THCS Mỹ Phước Tây	Sở GD	CL	2005-2008	13,520	5,133	5,133	2,000
2	Trường THCS Tân Hội Đông	H.CT	CT	2005-2008	10,040	6,750	1,725	6,000
3	Trường THCS thị trấn Cái Bè	H.CB	CB	2006-2008	24,614	9,423	14,374	6,000
4	Trường THCS Long Bình Điền	H.CG	CG	2007-2008	14,005	5,963	7,048	3,350
5	Trường TH Nguyễn Huệ	TP.MT	MT	2005-2008		3,870	3,870	5,700
6	Trung tâm Bồi dưỡng chính trị huyện Cai Lậy	H.CL	CL	2007-2008	5,420	154	154	3,500
7	Trường THPT An Hữu	Sở GD	CB	2005-2008	12,311	6,939	6,913	1,500
8	Trường THCS TT Mỹ Phước	Sở GD	TP	2007-2008	3,069	1,000	1,000	2,000
9	Trường THCS Học Lạc	TP.MT	MT	2005-2008				4,330
10	Trường TH Phú Kiệt	H.CG	CG	2007-2008	8,680	4,700	4,866	1,130
11	Trường TH Mỹ Đức Tây A	H.CB	CB	2006-2008	9,263	7,540	5,482	990
12	Trung tâm dạy nghề khu vực Gò Công	Sở LĐ	TXGC	2006-2008	23,242	11,342	11,342	6,000
13	Trường TH Mỹ Thành Bắc	H.CL	CL	2005-2008		1,057	1,057	1,500
14	Trường THCS Đăng Hưng Phước	H.CG	CG	2007-2008	11,236	8,448	7,184	1,440

STT	Tên công trình	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt	Giá trị KLTH từ KC	Đã thanh toán từ KC	Vốn đầu tư năm 2008
15	Trường THCS Long Trung	H.CL	CL	2007-2008	6,963	1,389	1,497	420
16	Trường THPT Bán công Huỳnh Văn Sâm	Sở GD	CB	2005-2008	11,760	3,691	3,691	3,000
17	Trường Mầm non thị trấn Cai Lậy	H.CL	CL	2007-2008				7,000
18	Trung tâm dạy nghề khu vực Cai Lậy	Sở LĐ	CL	2007-2009	20,339	5,766	5,766	8,000
19	Kiên cố hóa trường học	Sở GD.H	Các huyện	2007-2008				9,000
20	Vốn đối ứng xây dựng các trường học	Sở GD,H	Các huyện	2007-2008				1,600
21	Trường TH Bàn Long	H.CT	CT	2007-2008				400
22	Trường TH Tam Hiệp A	H.CT	CT	2007-2008				320
23	Trường TH Xuân Đông	H.CG	CG	2007-2008	10,535	5,446	6,115	900
VIII.2 Theo Nghị quyết 129/2007/NQ-HĐND								81,360
1	Trường THPT Thiên Hộ Dương	Sở GD	CB	2007-2008	17,062	4,544	7,879	9,500
2	Khối phòng học bộ môn Trường THPT Đốc Binh Kiều	Sở GD	CL	2007-2008	5,236	1,644	2,097	3,500
3	Trường THCS Hội Xuân	H.CL	CL	2007-2008	5,221	95	2,032	2,500
4	Trường THCS Phú Đông (khối lớp học thí nghiệm)	H.GCĐ	GCĐ	2007-2008	2,092	370	460	1,300
5	Trường TH Lương Phú	H.CG	CG	2007-2008	2,500	641	869	1,060
6	Trường TH Bình Phục Nhứt	H.CG	CG	2007-2008	2,998	2,265	2,265	520
7	Trường TH Quơn Long	H.CG	CG	2007-2008				250
8	Trường TH Long Bình Điền	H.CG	CG	2007-2008		193	1,507	5,000
9	Trường Mầm non Sao Mai - P3 - TXGC	TXGC	TXGC	2007-2008	1,543	307	544	1,150
10	Sửa chữa giảng đường, ký túc xá - Trường CT tỉnh	Trường CT	MT	2007-2008				160
11	Trường Trung học Văn hóa nghệ thuật	Sở VH	MT	2007-2008	10,177	3,000		5,900
12	Trung tâm Bồi dưỡng chính trị huyện GCDông	H.GCĐ	GCĐ	2007-2008	3,000			2,080
13	Trung tâm Bồi dưỡng chính trị TXGC	TXGC	TXGC	2007-2008	4,000			3,200
14	Trường TH thị trấn Chợ Gạo	H.CG	CG	2007-2008	6,486			4,400
15	Trường THPT Phước Thạnh	Sở GD	CT	2007-2008	8,312			4,000
16	Trường năng khiếu thể dục thể thao	Sở TDTT	MT	2007-2008	7,370			4,000
17	Khối thư viện - nhà nghỉ - hội trường Trường CT tỉnh	Trường CT	MT	2007-2008	4,450			4,450

STT	Tên công trình	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt	Giá trị KLTH từ KC	Đã thanh toán từ KC	Vốn đầu tư năm 2008
18	Khởi thực hành - thư viện Trường Trung học y tế	Sở YT	MT	2007-2009	18,000	90	123	6,000
19	Trường THCS Nhị Bình	H.CT	CT	2008-2009	8,500	57	1,026	4,500
20	Trường THCS Phú An	H.CL	CL	2007-2008	6,500			6,000
21	Trường THCS Bình Phục Nhứt	H.CG	CG	2007-2008	8,500	179	179	5,890
22	Trường THCS Phường 6 - thành phố Mỹ Tho	TP.MT	MT	2007-2008	8,800			6,000
VIII.3 Theo Quyết định 161/2002/QĐ-TTg của TTCP								20,000
1	Trường mẫu giáo, mầm non các huyện	Các H	Các H	2008-2010		40,000		20,000
IX Khoa học công nghệ								10,300
IX.1 Theo Nghị quyết 115/2006/NQ-HĐND								8,800
1	Xây dựng mô hình sản xuất và ứng dụng chế phẩm sinh học phục vụ sản xuất rau quả an toàn (Trung tâm Kỹ thuật và Công nghệ sinh học)	TT.KTCN	MT	2007-2008				5,800
2	Tin học hóa hoạt động các cơ quan đoàn thể tỉnh Tiền Giang giai đoạn 2005-2006	VP.TU	MT	2008-2009				3,000
IX.2 Theo Nghị quyết 129/2007/NQ-HĐND								1,500
1	Trung tâm Nghiên cứu ứng dụng và dịch vụ khoa học công nghệ	TT.NCƯĐ	MT	2007-2008	2,559	1,605	1,587	1,500
X Văn hóa thông tin								12,850
X.1 Theo Nghị quyết 115/2006/NQ-HĐND								5,700
1	Trung tâm Văn hóa huyện Châu Thành	H.CT	CT	2004-2008				250
2	Tượng đài chiến thắng Cổ Cò	Sở VH	CB	2008-2009	11,000	1,700	1,700	4,000

STT	Tên công trình	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt	Giá trị KLTH từ KC	Đã thanh toán từ KC	Vốn đầu tư năm 2008
3	Trùng tu tôn tạo khu di tích Lăng Hoàng Gia	Sở VH	TXGC	2007-2008	1,349	604	604	450
4	Hệ thống thiết bị kỹ thuật phát thanh - Đài truyền thanh huyện Cai Lậy	H.CL	CL	2007-2008				1,000
X.2	Theo Nghị quyết 129/2007/NQ-HĐND							7,150
1	Trung tâm văn hóa huyện Gò Công Đông	H.GCĐ	GCD	2007-2008	4,700	792	1,000	2,150
2	Trung tâm Văn hóa thông tin thành phố Mỹ Tho	TP.MT	MT	2007-2008	9,600			5,000
XI	Quản lý nhà nước							36,020
XI.1	Theo Nghị quyết 115/2006/NQ-HĐND							18,000
1	Hội trường + Trung tâm thông tin Khối Đảng	VP.TU	MT	2008-2009	20,000			10,000
2	Sửa chữa trụ sở các cơ quan	Các sở	MT	2007-2008				5,000
3	Trụ sở UBND xã	Huyện	Huyện	2008				2,000
4	Xây dựng cơ sở hạ tầng trung tâm xã Tân Thạnh		GCT	2006-2008	5,044	1,129	2,592	1,000
XI.2	Theo Nghị quyết 129/2007/NQ-HĐND							18,020
1	Nhà làm việc ba Ban Đảng huyện Gò Công Tây	H.GCT	GCT	2007-2008		639	639	390
2	Trụ sở làm việc Huyện ủy Chợ Gạo	H.CG	CG	2007-2008	3,000			2,000
3	Xây dựng cơ sở mới Đoàn quản lý giao thông	Đ.QLGT	CT	2007-2008	7,603	1,470	2,132	6,000
4	Trung tâm thông tin công tác tư tưởng - Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy	VP.TU	MT	2008-2009	20,000			8,000
5	Nhà làm việc chung của ba Trạm Bảo vệ thực vật, Thú y, Khuyến nông - huyện Tân Phước	Sở NN	TP	2007-2008				620
6	Nhà làm việc chung của ba Trạm Bảo vệ thực vật, Thú y, Khuyến nông - thị xã Gò Công	Sở NN	TXGC	2007-2008				1,010
XII	Quốc phòng an ninh							11,500

STT	Tên công trình	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt	Giá trị KLTH từ KC	Đã thanh toán từ KC	Vốn đầu tư năm 2008
XII.1 Theo Nghị quyết 115/2006/NQ-HĐND								8,000
1	Công trình huấn luyện chiến đấu (giai đoạn 1)	BCHQS	GCD	2006-2008	15,000	6,500	6,500	6,000
2	Hải đội 2 - Bộ đội biên phòng	BCH BP	GCD	2005-2008				2,000
XII.2 Theo Nghị quyết 129/2007/NQ-HĐND								3,500
1	Doanh trại Đại đội Cảnh sát cơ động - Phòng Cảnh sát Bảo vệ và Hỗ trợ Tu pháp	CA tỉnh	MT	2007-2008	4,000			2,000
2	Nhà ở học viên Trường Quân sự địa phương	BCHQS	CT	2007-2008	3,400	123	663	1,500
XIII Công trình khác								557,020
1	Trả nợ vay Kho bạc nhà nước							213,780
2	Trả nợ vay Ngân hàng Phát triển							25,250
3	Trả nợ vay Quỹ đầu tư phát triển							10,972
4	Vốn đầu tư của huyện, TP, TX							237,500
5	Sửa chữa cống số 4	Sở NN	GCT		3,880			3,880
6	Sửa chữa cống Long Hiệp	Sở NN	CG		2,167	89	430	1,400
7	Cống Tân Thuận Bình	Sở NN	CG		8,000	129	129	7,400
8	Trùng tu tôn tạo di tích Bến Đò Phú Mỹ	Sở VH	TP					5,400
9	Cải tạo nâng cấp nhà khách UBND tỉnh	VP.UB	MT		35,153	13,446	14,477	5,000
10	Trường TH Trù Văn Thố 2	H.CL	CL					5,000
11	Đại đội thiết giáp	BCHQS	MT		21,000	8,000	8,000	8,200
12	Đối ứng vốn của các tổ chức Phi Chính phủ							4,000
13	Thanh toán các công trình hoàn thành từ năm 2007 trở về trước và các công trình khác							19,238
14	Quy hoạch, chuẩn bị đầu tư							10,000

STT	Tên công trình	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt	Giá trị KLTH từ KC	Đã thanh toán từ KC	Vốn đầu tư năm 2008
B	<u>VỐN TRUNG ƯƠNG HỖ TRỢ ĐẦU TƯ</u>							
	<u>THEO MỤC TIÊU</u>							<u>111,660</u>
1	Chương trình mục tiêu quốc gia							15,250
<i>1.1</i>	<i>Chương trình giảm nghèo</i>							<i>7,000</i>
1	Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu xã Tân Thới	H.GCT	GCT	2008-2010				700
2	Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu xã Tân Phú	H.GCT	GCT	2008-2010				700
3	Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu xã Phú Thạnh	H.GCT	GCT	2008-2010				700
4	Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu xã Tân Thạnh	H.GCT	GCT	2008-2010				700
5	Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu xã Phú Tân	H.GCĐ	GCĐ	2008-2010				700
6	Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu xã Phú Đông	H.GCĐ	GCĐ	2008-2010				700
7	Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu xã Gia Thuận	H.GCĐ	GCĐ	2008-2010				700
8	Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu xã Bình Đông	H.GCĐ	GCĐ	2008-2010				700
9	Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu xã Kiểng Phước	H.GCĐ	GCĐ	2008-2010				700
10	Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu xã Bình Xuân	H.GCĐ	GCĐ	2008-2010				700
<i>1.2</i>	<i>Chương trình việc làm</i>							<i>1,000</i>
1	Đầu tư nâng cao năng lực Trung tâm Giới thiệu việc làm TG	Sở LĐ	MT	2008-2010				1,000
<i>1.3</i>	<i>Chương trình nước sạch và VSMT nông thôn</i>							<i>5,250</i>
1	Nước sinh hoạt nông thôn	TT.Nước	Các H	2001-2010				5,250
<i>1.4</i>	<i>Chương trình phòng chống một số bệnh xã hội bệnh dịch nguy hiểm và HIV/AIDS</i>							<i>2,000</i>

STT	Tên công trình	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt	Giá trị KLTH từ KC	Đã thanh toán từ KC	Vốn đầu tư năm 2008
1	Bệnh viện Lao và Bệnh phổi	Sở YT	CT	2008-2010				2,000
2	Chương trình trồng 5 triệu ha rừng							910
1	Trồng rừng phòng hộ ven biển Gò Công Đông	Sở NN	GCD	2007-2010				450
2	Trồng rừng huyện Tân Phước	H.TP	TP	2007-2010				460
3	Hỗ trợ đầu tư theo mục tiêu khác							95,500
3.1	<i>Đầu tư thực hiện Nghị quyết 21NQ/TW</i>							49,000
1	Đường tỉnh 864 (đoạn giao ĐT 868 - TT Cái Bè)	Sở GT	CL,CB	2007-2009	55,390			15,000
2	Đường tỉnh 865 (Kênh 12 - cầu Bằng Lăng)	Sở GT	CL. CB	2007-2009	137,040	9,960	14,561	14,000
3	Cống Hòa Phú	Sở NN	GCT	2007-2008				650
4	Cống Cầu Kênh	Sở NN	CL	2008				3,390
5	Cống Thợ Tiện	Sở NN	CG	2007-2008	3,345	219	1,166	2,840
6	Tu sửa dặm vá các tuyến đê của dự án Ngọt hóa Gò Công	Sở NN	GCD	2007-2008	3,446	788	788	1,450
7	Thay mới cửa cống Long Hải	Sở NN	GCT	2007-2008	1,160	61	1,000	1,160
8	Xe truyền hình lưu động	Đài PTTH	MT	2007-2008	11,905	23	23	7,500
9	Hệ thống mạng sản xuất chương trình và phát sóng tự động Đài Phát thanh và TH tỉnh	Đài PTTH	MT	2007-2008	2,092	25	300	1,260
10	Thiết bị sản xuất chương trình truyền hình - Đài PTTH tỉnh	Đài PTTH	MT	2007-2008	2,711	32	300	1,750
3.2	<i>Đầu tư hạ tầng du lịch</i>							8,000
1	Kè bảo vệ bờ khu du lịch biển Tân Thành	Sở TM	GCD	2007-2008	2,000	1,236	1,236	2,000
2	Cơ sở hạ tầng khu du lịch Thới Sơn (đường lộ Làng và đường Trung tâm xã)	H.CT	CT	2007-2008	1,650	206	206	1,650
3	Đường vào khu sinh thái Đồng Tháp Mười (Đường Tràm Mù + một đoạn ĐT 867)	Sở GT, TP	TP	2007-2008				4,350

STT	Tên công trình	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt	Giá trị KLTH từ KC	Đã thanh toán từ KC	Vốn đầu tư năm 2008
3.3	<i>Đầu tư hạ tầng nuôi trồng thủy sản</i>							7,000
1	Cơ sở hạ tầng vùng nuôi thủy sản Tân Hội	Sở TS	CL	2005-2008	4,336	2,163	3,763	400
2	Trại giống thủy sản nước ngọt Cổ Lịch	Sở TS	CB	2005-2008	11,043	8,553	8,707	250
3	Cơ sở hạ tầng vùng nuôi thủy sản xã Phú Thạnh	Sở TS	GCT	2005-2008				1,000
4	Nâng cấp trại giống thủy sản Cồn Cống	Sở TS	GCD	2007-2008	1,835	87	87	1,800
5	Đầu tư cơ sở hạ tầng sản xuất giống thủy sản nước ngọt Hậu Mỹ Bắc A	Sở TS	CB	2008-2009				3,550
3.4	<i>Đầu tư bố trí lại dân cư</i>							2,000
1	Dự án di dân phát triển vùng kinh tế mới Đông kênh Lộ Mới	CC.HTX	TP	2006-2008				500
2	Dự án di dân phát triển vùng kinh tế mới Tây kênh Lộ Mới	CC.HTX	TP	2006-2008				1,500
3.5	<i>Đầu tư y tế tỉnh huyện</i>							12,000
1	Bệnh viện đa khoa khu vực Gò Công	Sở YT	TXGC	2007-2008				3,200
2	Cải tạo nâng cấp và mở rộng Bệnh viện ĐKKV Cai Lậy	Sở YT	CL	2005-2008				3,600
3	Sửa chữa Trung tâm y tế huyện Châu Thành	Sở YT	CT	2007-2008	1,397	600	600	1,000
4	Trung tâm y tế huyện Gò Công Tây	Sở YT	GCT	2005-2008	12,899	1,364	1,364	3,620
5	Sửa chữa Phòng khám quân dân y Long Định	Sở YT	CT	2007-2008	1,440	440	440	580
3.6	<i>Đầu tư đề án 06</i>							1,500
1	Tin học hóa hoạt động các cơ quan Đảng giai đoạn 2006-2010	VP.TU	MT	2008-2010				1,500
3.7	<i>Đầu tư Trường Đại học Tiền Giang</i>							16,000
1	Trường Đại học Tiền Giang	Tr.ĐH	CT	2007-2010				16,000
					198,999		27,323	